TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **251**/2019/DSST
Ngày: 23/8/2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Thuần;
2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Dương Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày **23** tháng **8** năm **2019** tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-DS ngày 05/01/2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-DS ngày 05/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 231/2019/QĐST-DS ngày 23/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Kim A trình bày: Qua sự giới thiệu của em bà là bà Nguyễn Thị Kim C nên bà có quen biết chị Nguyễn Thị Cẩm B. Vào ngày 16/12/2015 nhằm ngày 06/11/2015 âm lịch bà có cho chị B mượn số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn mượn 01 tháng kể từ ngày mượn sẽ trả lại; Ngày 31/12/2015 nhằm ngày 21/11/2015 âm lịch có cho chị B mượn tiếp số tiền 25.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn mượn 02 tháng kể từ ngày mượn sẽ trả lại; Khi đến hạn trả tiền thì chị B không trả vốn và thỏa thuận sẽ đóng lãi cho bà 4%/tháng; Ngày 03/9/2016 nhằm ngày 03/8/2016 âm lịch bà cho chị B mượn tiếp số tiền 40.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả 01 tháng kể từ ngày mượn; Ngày 14/4/2016 nhằm ngày 08/3/2016 âm lịch bà cho chị B mượn tiếp số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả sau 01 năm kể từ ngày mượn, thỏa thuận lãi 4 %/tháng; Tổng cộng chị B đã mượn của bà 135.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 135.000.000đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật. Nhưng chị B vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà A đối với chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Kim A tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Cẩm B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B theo qui định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu chị Nguyễn Thị Cẩm B trả số tiền nợ vay 135.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "hợp đồng vay" theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B trả cho bà số tiền nợ vay 135.000.000đồng trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà A là có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ vào chứng cứ: Biên nhận mượn tiền đề ngày 16/12/2015 nhằm ngày 06/11/2015 âm lịch bà A có cho chị B mượn số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn mượn 01 tháng kể từ ngày mượn sẽ trả lại; Biên nhận ngày 31/12/2015 nhằm ngày 21/11/2015 âm lịch bà A có cho chị B mượn tiếp số tiền 25.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn mượn 02 tháng kể từ ngày mượn sẽ trả lại; Khi đến hạn trả tiền thì chị B không trả vốn và thỏa thuận sẽ đóng lãi cho bà 4%/tháng; Biên nhận ngày 03/9/2016 nhằm ngày 03/8/2016 âm lịch bà A cho chị B mượn tiếp số tiền 40.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả 01 tháng kể từ ngày mượn; Biên nhận ngày 14/4/2016 nhằm ngày 08/3/2016 âm lịch bà A cho chị B mượn tiếp số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả sau 01 năm kể từ ngày mượn, có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Thị Cẩm B. Tại tòa bà A khai chữ viết trong các biên nhận nợ là do chị B viết và ký, ghi họ tên. Đối với chị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị B không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà A. Do đó, căn cứ vào biên nhận nợ do bà A cung cấp là chứng cứ xác định giữa bà A với chị B có xác lập quan hệ hợp đồng vay với nhau. Chị B vay của bà A Bều

lần, tổng cộng 135.000.000đồng và có viết biên nhận nợ, hai bên thống nhất trong thời hạn từ 01 đến hai tháng, 01 năm tính từ ngày vay sẽ trả số tiền vay, thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Tuy Bên, bà A khai chỉ nhận lãi 3%/tháng. Bà đã nhận khoảng 25.000.000 đồng tiền lãi thì chị B ngưng không đóng lãi nữa. Khi đến hạn chị B không trả vốn, lãi, bà A có đến đòi Bều lần, nhưng chị B cố tình không trả như đã hứa là vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử buộc chị B phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà A theo yêu cầu của bà A là phù hợp Điều 280 Bộ luật dân sự;

[5] Về yêu cầu tính lãi: Tại Tòa bà A khai bà có nhận chị B tổng cộng khoảng 25.000.000 đồng tiền lãi, đây là việc thỏa thuận trả lãi giữa chị B với bà A, chị B không có ý kiến phản đối gì về số tiền lãi. Nay bà A chỉ yêu cầu chị B hoàn trả vốn 135.000.000 đồng theo các biên nhận nợ, không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A;

Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm B trả cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền **135.000.000**đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Trường hợp chị B chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo qui định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Án phí: Chị B phải chịu 6.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn lại cho bà A 3.375.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015587 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo;

Bà A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7

và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN THỊ MỸ LIL

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.